

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC  
VỀ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH  
Số: /HDNT-BVĐK**

Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe;

Căn cứ nhu cầu, năng lực của hai bên.

Hôm nay, ngày tháng năm 2018, chúng tôi gồm có:

**BÊN A: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Tuyên Quang**

Đại diện: Bs. CKII. Phạm Quang Thanh Chức vụ: Giám đốc bệnh viện

Điện thoại: 02072.211.285

Địa chỉ: Số 44 đường Lê Duẩn, Phường Tân Hà, TP. Tuyên Quang

**BÊN B: Trường Đại học Tân Trào**

Đại diện: PGS.TS Nguyễn Bá Đức Chức vụ: Hiệu trưởng

Điện thoại: 02073.892.012

Địa chỉ: Km6, xã Trung Môn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang

Thỏa thuận ký kết hợp đồng đào tạo thực hành với những nội dung cơ bản sau đây:

**Điều 1. Nội dung Hợp đồng đào tạo thực hành**

1. Đối tượng thực hành: Sinh viên ngành Điều dưỡng, Dược học trình độ đại học
2. Số lượng người thực hành: Căn cứ vào số sinh viên của từng khóa
3. Người hướng dẫn thực hành:
  - a. Người hướng dẫn thực hành của cơ sở thực hành: Số lượng, trình độ chuyên môn (Có danh sách kèm theo)
  - b. Người hướng dẫn thực hành của cơ sở giáo dục: Số lượng, trình độ chuyên môn (Có danh sách kèm theo)
4. Nội dung chuyên môn thực hành: Theo Chương trình thực hành được duyệt
5. Thời gian thực hành: Theo kế hoạch giảng dạy (Đầu mỗi năm học cơ sở giáo dục thông báo lịch thực hành chi tiết cho cơ sở thực hành)
6. Địa điểm thực hành: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Tuyên Quang

7. Chi phí thực hành: Căn cứ vào nội dung thực hành Bệnh viện Đa khoa chuyên dự trù kinh phí cho Đại học Tân Trào để làm cơ sở thanh toán khi sinh viên thực tập.

8. Thời hạn của Hợp đồng đào tạo thực hành: (theo từng khóa đào tạo)

9. Chương trình thực hành đã được phê duyệt

10. Tên cơ sở thực hành đáp ứng yêu cầu tại khoản 2, Điều 10

### **Điều 2. Phương thức và thời hạn thanh toán chi phí thực hành**

Phương thức thanh toán: Sẽ được hai bên cụ thể hóa ở hợp đồng riêng theo số lượng và chi phí cho mỗi sinh viên thực tập.

### **Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Bên A**

1. Bên A có quyền:

a. Bố trí, phân công người hướng dẫn thực hành để hướng dẫn người thực hành thực hành theo đúng các điều khoản ghi trong Hợp đồng.

b. Chấm dứt Hợp đồng thực hành hoặc các biện pháp xử lý khác nếu cơ sở giáo dục vi phạm các thỏa thuận ghi trong Hợp đồng.

c. Thu chi phí thực hành theo thỏa thuận với Bên B.

2. Bên A có nghĩa vụ:

a. Bảo đảm các điều kiện thuận lợi để người thực hành được thực hành theo đúng các thỏa thuận ghi trong Hợp đồng.

b. Bảo đảm giảng dạy đúng nội dung chuyên môn thực hành, tiến độ thực hành đã được thống nhất trong kế hoạch đào tạo thực hành.

c. Bố trí người thực hành của cơ sở giáo dục tham gia các hoạt động chuyên môn với thời gian phù hợp và chi trả thù lao cho người thực hành theo quy chế chi tiêu nội bộ tại cơ sở.

d. Bảo đảm quyền lợi của người thực hành theo quy định của pháp luật.

đ. Xác nhận kết quả thực hành của người thực hành theo quy định.

e. Chịu trách nhiệm về quá trình thực hành của người thực hành tại cơ sở.

### **Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Bên B**

1. Bên B có quyền:

a. Được đưa người thực hành của cơ sở mình đến cơ sở thực hành để hướng dẫn thực hành hoặc tham gia các hoạt động chuyên môn với thời gian phù hợp theo thỏa thuận trong Hợp đồng.

b. Được cung cấp thông tin, kiểm tra về quá trình thực hành của người thực hành tại cơ sở thực hành.

c. Chấm dứt Hợp đồng thực hành hoặc các biện pháp xử lý khác nếu cơ sở thực hành vi phạm các thỏa thuận ghi trong Hợp đồng.

d. Các quyền khác.



2. Bên B có nghĩa vụ:

- a. Cung cấp cho Bên A thông tin của người thực hành; kế hoạch đào tạo thực hành của học phân/tin chỉ.
- b. Chi trả chi phí thực hành đầy đủ theo thỏa thuận với Bên A.
- c. Chịu trách nhiệm và xử lý vi phạm đối với người hướng dẫn thực hành của cơ sở mình tham gia hướng dẫn thực hành và hoạt động chuyên môn tại cơ sở thực hành.
- d. Các nghĩa vụ khác.

### Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và sẽ hết hiệu lực khi kết thúc thời gian thực hành và các bên đã hoàn thành các nghĩa vụ của Hợp đồng.

2. Hai bên cam kết thực hiện đúng những điều khoản nêu trên, bên nào vi phạm bên đó phải chịu trách nhiệm trước pháp luật. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu xảy ra tranh chấp thì hai bên cùng nhau thương lượng giải quyết, nếu không thống nhất thì đưa ra Tòa án để giải quyết.

3. Hợp đồng này làm thành hai bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ một bản. /

**BÊN A**  
**BỆNH VIỆN ĐA KHOA TUYÊN QUANG**  
**GIÁM ĐỐC**



**BS. CKII. Phạm Quang Thanh**

**BÊN B**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO**  
**HIỆU TRƯỞNG**



**PGS.TS. Nguyễn Bá Đức**

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC

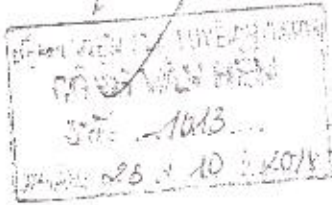
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1078 /CV ĐHYD

Thái Nguyên, ngày 16 tháng 10 năm 2018

V/v Thực hiện nghị định 111/2017/NĐ-CP

Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa Tỉnh Tuyên Quang



Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05/10/2017 Quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe của Thủ tướng chính phủ;

Căn cứ vào kế hoạch đào tạo và quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch đào tạo năm học 2018 – 2019 và những năm trước đây của Trường Đại học Y Dược thuộc Đại học Thái Nguyên;

Trường Đại học Y Dược - ĐHTN đề nghị Ban giám đốc Bệnh viện Đa khoa Tỉnh Tuyên Quang đăng ký với Bộ Y tế để Bệnh viện là cơ sở thực hành các hệ đào tạo Đại học của Nhà trường,

(có phụ lục kèm theo công văn này)

Trong quá trình thực hiện nếu có những vướng mắc Trường ĐHYD - ĐHTN sẽ cùng Bệnh viện Đa khoa Tỉnh Tuyên Quang thống nhất để phối hợp cùng thực hiện.

Trường ĐHYD – ĐHTN rất mong nhận được sự quan tâm, giúp đỡ của Ban giám đốc Bệnh viện để Bệnh viện tiếp tục là cơ sở thực hành của Nhà trường.

Xin trân trọng cảm ơn ./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Các đơn vị trong trường;
- Lưu VT, ĐT.



HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Nguyễn Văn sơn

HỒ SƠ HC QUẢN LÝ

Phụ lục kèm theo công văn Số 1076 ngày 16 tháng 10 năm 2018

**Hệ đại học**

| TT | Mã đào tạo | Trình độ | Ngành/<br>Chuyên<br>ngành | Môn/Học phần/Tin chỉ trong<br>chương trình thực hành      | Nội dung môn học   | Khoa thực hành   |
|----|------------|----------|---------------------------|---|--|--|
| 1  | 7720101    | Đại học  | Y khoa                    | Chương trình thực tế tốt nghiệp:<br>Nội, Ngoại, Sản, Nhi. | Thực hành lâm sàng<br>Nội, Ngoại, Sản, Nhi<br>(có kế hoạch nội dung<br>thực hành kèm theo) | Các khoa: Nội, Ngoại,<br>Sản, Nhi của Bệnh<br>viện tỉnh. |



Thái Nguyên, ngày 25 tháng 6 năm 2018

**CHỈ TIÊU THỰC TẾ TỐT NGHIỆP BÁC SĨ ĐA KHOA HỆ CHÍNH QUY**  
(Năm học 2017 - 2018)

**I. NỘI KHOA:**

1. Tham gia tiếp nhận, khám bệnh, chẩn đoán, điều trị và làm bệnh án bệnh nhân mắc bệnh nội khoa thường gặp với yêu cầu cụ thể như sau:

| TT | Bệnh nội khoa thường gặp        | Số ca bệnh tối thiểu | Mức độ đạt |   |   |
|----|---------------------------------|----------------------|------------|---|---|
|    |                                 |                      | 1          | 2 | 3 |
| 1  | Bệnh van tim                    | 3                    |            | x |   |
| 2  | Tăng huyết áp                   | 5                    |            | x |   |
| 3  | Ngừng hô hấp - tuần hoàn        | 2                    |            | x |   |
| 4  | Rối loạn nhịp tim               | 4                    |            | x |   |
| 5  | Bệnh động mạch vành             | 4                    |            | x |   |
| 6  | Tâm phế mạn                     | 2                    |            | x |   |
| 7  | Viêm phổi cấp tính              | 3                    |            | x |   |
| 8  | Bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính    | 3                    |            | x |   |
| 9  | Hen phế quản                    | 3                    |            | x |   |
| 10 | Viêm phế quản cấp               | 3                    |            | x |   |
| 11 | Tràn dịch màng phổi             | 3                    |            | x |   |
| 12 | Hở ra máu                       | 3                    |            | x |   |
| 13 | Loét DD-TT                      | 3                    |            | x |   |
| 14 | Xơ gan                          | 4                    |            | x |   |
| 15 | Xuất huyết tiêu hoá cao         | 3                    |            | x |   |
| 16 | Ung thư gan nguyên phát         | 2                    |            | x |   |
| 17 | Hội chứng ruột kích thích       | 2                    |            | x |   |
| 18 | Viêm gan mạn                    | 3                    |            | x |   |
| 19 | Viêm tụy cấp                    | 3                    |            | x |   |
| 20 | Hội chứng thận hư thứ phát      | 2                    |            | x |   |
| 21 | Bệnh thận mạn/Suy thận mạn      | 3                    |            | x |   |
| 22 | Nhiễm khuẩn tiết niệu           | 3                    |            | x |   |
| 23 | Suy thận cấp                    | 2                    |            | x |   |
| 24 | Đái tháo đường                  | 5                    |            | x |   |
| 25 | Basedow                         | 2                    |            | x |   |
| 26 | Viêm khớp dạng thấp             | 3                    |            | x |   |
| 27 | Viêm cột sống dính khớp         | 2                    |            | x |   |
| 28 | Thoái hóa khớp                  | 3                    |            | x |   |
| 29 | Bệnh Gút                        | 3                    |            | x |   |
| 30 | Thiếu máu                       | 3                    |            | x |   |
| 31 | Xuất huyết giảm tiểu cầu vô căn | 2                    |            | x |   |
| 32 | Tai biến mạch máu não           | 3                    |            | x |   |
| 33 | Sốc/trụy mạch                   | 3                    |            | x |   |

|    |             |            |  |   |  |
|----|-------------|------------|--|---|--|
| 34 | Ngộ độc cấp | 3          |  | x |  |
|    | <b>Tổng</b> | <b>100</b> |  |   |  |

## 2. Thực hiện thủ thuật Nội khoa thông thường

| TT | Tên thủ thuật                                | Số lần    | Mức độ đạt |   |   |
|----|--|-----------|------------|---|---|
|    |  |           | 1          | 2 | 3 |
| 1  | Cho bệnh nhân thở ôxy                        | 5         |            |   | x |
| 2  | Đặt sonde dạ dày/Rửa dạ dày/Cho ăn qua sonde | 5         |            |   | x |
| 3  | Chọc dò màng phổi                            | 3         |            | x |   |
| 4  | Chọc dò màng bụng                            | 3         |            | x |   |
| 5  | Chọc dò màng tim                             | 2         |            | x |   |
| 6  | Thăm trực tràng                              | 3         |            |   | x |
| 7  | Cấp cứu ngừng tuần hoàn - hô hấp             | 3         |            | x |   |
| 8  | Thực hành truyền máu                         | 3         |            | x |   |
| 9  | Thực hành truyền dịch                        | 5         |            |   | x |
| 10 | Thông tiểu                                   | 3         |            |   | x |
| 11 | Thụt tháo                                    | 3         |            |   | x |
| 12 | Đặt nội khí quản                             | 3         |            | x |   |
| 13 | Đặt catheter TMTT                            | 3         |            | x |   |
| 14 | Ghi điện tim                                 | 3         |            |   | x |
| 15 | Test glucose máu mao mạch                    | 3         |            |   | x |
| 16 | Hút đờm dãi                                  | 5         |            |   | x |
| 17 | Khí dung                                     | 5         |            |   | x |
|    | <b>Tổng</b>                                  | <b>60</b> |            |   |   |

\* Ghi chú:

Mức độ 1: Kiên tập

Mức độ 2: Làm dưới sự hướng dẫn, giám sát của bác sĩ

Mức độ 3: Làm độc lập và làm thành thạo

## 3. Hoàn thành 05 bệnh án nội khoa

## 4. Thống kê tỷ lệ 10 bệnh nội khoa thường gặp nhất.

## II. NGOẠI KHOA

| TT       | Nội dung                               | Số lần | Mức độ đạt |   |   |
|----------|--|--------|------------|---|---|
|          |  |        | 1          | 2 | 3 |
| <b>I</b> | <b>Chỉ tiêu về chẩn đoán, điều trị</b> |        |            |   | x |
| 1        | Chẩn đoán gãy xương đùi                | 3      |            |   | x |
| 2        | Chẩn đoán gãy xương cẳng chân          | 3      |            |   | x |
| 3        | Chẩn đoán gãy xương chày               | 2      |            |   | x |
| 4        | Chẩn đoán gãy xương bánh chè           | 2      |            |   | x |
| 5        | Chẩn đoán gãy xương bàn tay            | 2      |            |   | x |
| 6        | Chẩn đoán gãy xương bàn chân           | 2      |            |   | x |
| 7        | Chẩn đoán gãy xương cánh tay           | 2      |            |   | x |
| 8        | Chẩn đoán gãy trên lồi cầu cánh tay    | 2      |            |   | x |
| 9        | Chẩn đoán gãy xương hở                 | 5      |            |   | x |



|  |                                       |    |   |   |   |
|--|---------------------------------------|----|---|---|---|
| 10   | Chẩn đoán trật khớp                   | 2  |   |   | X |
| 11   | Chẩn đoán vết thương bàn tay          | 2  |   |   | X |
| 12   | Chẩn đoán và điều trị bong            | 2  |   | X |   |
| 13   | Chẩn đoán tắc ruột                    | 3  |   |   | X |
| 14   | Chẩn đoán viêm ruột thừa cấp          | 5  |   |   | X |
| 15   | Chẩn đoán u đại tràng                 | 2  |   | X |   |
| 16   | Chẩn đoán chấn thương bụng            | 2  |   | X |   |
| 17   | Chẩn đoán thủng dạ dày                | 2  |   |   | X |
| 18   | Chẩn đoán sỏi mật                     | 3  |   |   | X |
| 19   | Chẩn đoán viêm tụy cấp                | 3  |   |   | X |
| 20   | Chẩn đoán ung thư dạ dày              | 2  |   |   | X |
| 21   | Chẩn đoán lồng ruột                   | 2  |   |   | X |
| 22   | Chẩn đoán chấn thương ngực            | 3  |   |   | X |
| 23   | Chẩn đoán chấn thương sọ não          | 5  |   |   | X |
| 24   | Chẩn đoán vết thương mạch máu         | 2  |   |   | X |
| 25   | Chẩn đoán thoát vị bẹn                | 2  |   |   | X |
| <b>II Chỉ tiêu về phẫu thuật - thủ thuật</b> |                                       |    |   |   |   |
| 1  | Cắt lọc băng bông                     | 2  |   | X |   |
| 2  | Khâu vết thương phần mềm              | 10 |   |   | X |
| 3  | Kéo nắn trật khớp                     | 1  |   | X |   |
| 4  | Sơ cứu gãy xương kín                  | 4  |   |   | X |
| 5  | Sơ cứu gãy xương hở                   | 2  |   |   | X |
| 6  | Bó bột gãy xương                      | 10 |   | X |   |
| 7  | Phẫu thuật mổ mở                      | 5  | X |   |   |
| 8  | Phẫu thuật mổ nội soi                 | 10 | X |   |   |
| 9  | Kết hợp xương (Nẹp vít, đóng đinh...) | 5  | X |   |   |
| 10   | Đặt sonde đại                         | 2  |   | X |   |
| 11   | Đặt sonde dạ dày                      | 2  |   | X |   |
| 12   | Bơm hơi tháo lồng                     | 1  | X |   |   |
| 13   | Chăm sóc ống dẫn lưu                  | 5  |   | X |   |
| 14   | Bơm rửa bàng quang                    | 2  |   | X |   |
| 15   | Bệnh án tiền phẫu                     | 2  |   |   | X |
| 16   | Bệnh án hậu phẫu                      | 3  |   |   | X |

**\* Ghi chú:**

- Mức độ 1: Kiến tập.
- Mức độ 2: Làm dưới sự giám sát của bác sĩ.
- Mức độ 3: Làm độc lập và làm thành thạo.

**TL. HIỆU TRƯỞNG  
TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO**



**PGS.TS Nguyễn Trọng Hiếu**



**CHỈ TIÊU THỰC TẾ TỐT NGHIỆP BÁC SĨ ĐA KHOA HỆ CHÍNH QUY**  
(Năm học 2017 - 2018)

**I. SẢN KHOA**

| TT       | Nội dung   | Số lần | Mức độ |   |   |
|----------|--|--------|--------|---|---|
|          |  |        | 1      | 2 | 3 |
| <b>1</b> | <b>Khám, chẩn đoán, theo dõi và chăm sóc bệnh nhân</b>   |        |        |   |   |
| 1.1      | Khám, chẩn đoán thai nghén bình thường trong 3 tháng đầu   | 10     |        |   | x |
| 1.2      | Khám và đánh giá được sự phát triển của thai trong 3 tháng giữa và 3 tháng cuối                            | 10     |        |   |   |
| 1.3      | Theo dõi chuyên dạ đẻ thường và một số trường hợp chuyển dạ bệnh lý  | 10     |        | x |   |
| 1.4      | Khám, phát hiện những dấu hiệu bất thường trong 3 tháng đầu của thai nghén                                 | 10     |        | x |   |
| 1.5      | Khám, phát hiện những dấu hiệu bất thường trong 3 tháng cuối của thai nghén                                | 10     |        | x |   |
| 1.6      | Chẩn đoán và sơ cứu được các trường hợp chảy máu sản khoa trong 3 tháng đầu và 3 tháng cuối của thai nghén | 10     |        | x |   |
| 1.7      | Phát hiện và xử trí được một số nguy cơ trong chuyển dạ  | 10     |        | x |   |
| 1.8      | Khám, theo dõi và chăm sóc sản phụ sau đẻ  | 10     |        |   | x |
| 1.9      | Khám, theo dõi và chăm sóc trẻ sơ sinh sau đẻ  | 10     |        | x |   |
| 1.10     | Theo dõi và chăm sóc bệnh nhân sau mổ sản khoa và phụ khoa   | 20     |        | x |   |
| 1.11     | Khám, phát hiện và xử trí một số bệnh phụ khoa thông thường  | 20     |        | x |   |
| <b>2</b> | <b>Thủ thuật</b>   |        |        |   |   |
| 2.1      | Đỡ đẻ thường ngôi chòm   | 5      |        |   | x |
| 2.2      | Bấm ối   | 5      |        |   | x |
| 2.3      | Cắt khâu tầng sinh môn   | 5      |        |   | x |
| 2.4      | Kiểm soát tử cung  | 2      |        | x |   |
| 2.5      | Chăm sóc trẻ sơ sinh ngay sau đẻ   | 5      |        |   | x |
| 2.6      | Hồi sức trẻ sơ sinh  | 2      |        | x |   |
| 2.7      | Hút thai bằng bơm hút chân không   | 5      |        | x |   |
| 2.8      | Đặt và tháo DCTC loại Tcu 380A   | 5      |        | x |   |
| 2.9      | Phụ mổ lấy thai  | 10     |        |   | x |
| 2.10     | Phụ mổ thai ngoài tử cung  | 2      |        | x |   |
| 2.11     | Phụ mổ cắt khối u buồng trứng  | 2      |        | x |   |

|          |                                    |   |  |   |   |
|----------|------------------------------------|---|--|---|---|
| 2.12     | Phụ mổ cắt tử cung đường bụng      | 2 |  | x |   |
| <b>3</b> | <b>Tư vấn</b>                      |   |  |   |   |
| 3.1      | Tư vấn quản lý thai nghén          | 5 |  |   | x |
| 3.2      | Tư vấn nuôi con bằng sữa mẹ        | 5 |  |   | x |
| 3.3      | Tư vấn về các biện pháp tránh thai | 5 |  |   | x |
| <b>4</b> | <b>Làm bệnh án</b>                 | 5 |  |   | x |

**\* Ghi chú:**

- Mức độ 1: Quan sát kiến tập kỹ năng/thủ thuật.
- Mức độ 2: Làm được kỹ năng cần sự giúp đỡ.
- Mức độ 3: Làm được kỹ năng độc lập hoặc thành thạo.
- Mỗi sinh viên làm 5 bệnh án: 1 bệnh án tiền sản đang chuyển dạ, 1 bệnh án phụ ngoại, 1 bệnh án sản bệnh, 1 bệnh án hậu phẫu, 1 bệnh án hậu sản. Mỗi bệnh án phải có số bệnh án lưu trữ và có xác nhận của khoa.

## II. NHI KHOA

| TT                                   | Nội dung  | Số lần | Mức độ đạt |   |   |
|--------------------------------------|---|--------|------------|---|---|
|                                      |   |        | 1          | 2 | 3 |
| <b>1</b>                             | <b>Khám, chẩn đoán, xử trí các bệnh</b>   |        |            |   |   |
| 1.1                                  | Khám, chẩn đoán, xử trí sơ sinh non tháng   | 10     |            |   | x |
| 1.2                                  | Khám, chẩn đoán, xử trí vàng da   | 7      |            | x |   |
| 1.3                                  | Khám, chẩn đoán, xử trí nhiễm trùng sơ sinh   | 5      |            | x |   |
| 1.4                                  | Khám, chẩn đoán, xử trí suy hô hấp sơ sinh  | 10     |            | x |   |
| 1.5                                  | Khám, chẩn đoán, xử trí viêm phế quản phổi  | 10     |            |   | x |
| 1.6                                  | Khám, chẩn đoán, xử trí hen phế quản  | 7      |            | x |   |
| 1.7                                  | Khám, chẩn đoán, xử trí viêm phế quản cấp   | 10     |            |   | x |
| 1.8                                  | Khám, chẩn đoán, xử trí viêm họng, viêm VA, viêm Amidan                             | 10     |            |   | x |
| 1.9                                  | Khám, chẩn đoán, xử trí tim bẩm sinh, thấp tim, suy tim                             | 2      |            | x |   |
| 1.10                                 | Khám, chẩn đoán, xử trí thiếu máu huyết tán   | 5      |            |   | x |
| 1.11                                 | Khám, chẩn đoán, xử trí xuất huyết giãn tiểu cầu, bạch cầu cấp                      | 2      |            | x |   |
| 1.12                                 | Khám, chẩn đoán, xử trí thiếu máu thiếu sắt   | 10     |            |   | x |
| 1.13                                 | Khám, chẩn đoán, xử trí tiêu chảy cấp   | 10     |            |   | x |
| 1.14                                 | Khám, chẩn đoán, xử trí hội chứng lỵ, tiêu chảy kéo dài                             | 2      |            | x |   |
| 1.15                                 | Khám, chẩn đoán, xử trí nôn trớ, táo bón, biếng ăn, đau bụng                        | 5      |            | x |   |
| 1.16                                 | Khám, chẩn đoán, xử trí viêm màng não mủ, xuất huyết não màng não, co giật          | 2      |            | x |   |
| 1.17                                 | Khám, chẩn đoán, xử trí hội chứng thận hư, viêm cầu thận cấp, nhiễm khuẩn tiết niệu | 2      |            | x |   |
| 1.18                                 | Khám, chẩn đoán, xử trí suy dinh dưỡng, còi xương                                   | 10     |            |   | x |
| <b>Phân loại và xử trí theo IMCI</b> |   |        |            |   |   |
| <b>Trẻ 2 tháng - 5 tuổi</b>          |   |        |            |   |   |
| 1                                    | Ho, khó thở   | 7      |            |   | x |
| 2                                    | Tiêu chảy   | 7      |            |   | x |
| 3                                    | Sốt   | 7      |            |   | x |



|                        |   |    |   |   |   |
|------------------------|---|----|---|---|---|
| 4                      | Dinh dưỡng, thiếu máu   | 7  |   |   | X |
| <b>Trẻ 0 - 2 tháng</b> |   |    |   |   |   |
| 1                      | Kiểm tra bệnh rất nặng và tình trạng nhiễm khuẩn tại chỗ.             | 7  |   |   | X |
| 2                      | Vàng da   | 7  |   |   | X |
| 3                      | Tiêu chảy   | 7  |   |   | X |
| 4                      | Các vấn đề về dinh dưỡng  | 7  |   |   | X |
| 2                      | <b>Thủ thuật</b>  |    |   |   |   |
| 2.1                    | Đặt và cho ăn qua sonde   | 10 |   |   | X |
| 2.2                    | Cho thở oxy   | 10 |   |   | X |
| 2.3                    | Xử trí sốt cao  | 10 |   |   | X |
| 2.4                    | Xử trí hạ thân nhiệt  | 3  |   |   | X |
| 2.5                    | Pha và cho trẻ uống ORS   | 10 |   |   | X |
| 2.6                    | Chạy khí dung   | 10 |   |   | X |
| 2.7                    | Định nhóm máu tại giường  | 3  |   | X |   |
| 2.8                    | Chọc dò tủy sống  | 1  | X |   |   |
| 2.9                    | Cho trẻ thở CPAP (nếu có)   | 3  |   | X |   |
| 2.10                   | Sử dụng máy thở (nếu có)  | 3  | X |   |   |
| 2.11                   | Sử dụng lồng áp   | 5  |   |   | X |
| 2.12                   | Cho bệnh nhân chiếu đèn   | 5  |   |   | X |
| 2.13                   | Hướng dẫn cho con bú  | 10 |   |   | X |
| 2.14                   | Tư vấn dinh dưỡng   | 10 |   |   | X |
| 2.15                   | Hướng dẫn lấy nước tiểu làm XN  | 5  |   |   | X |
| 2.16                   | Tổ chức bệnh viện   | 1  | X |   |   |
| 3                      | <b>Làm bệnh án</b>  | 5  |   |   | X |
| 4                      | <b>Thống kê 10 bệnh lý thường gặp nhất trong thời gian đi thực tế</b> | 1  |   |   | X |

**\* Ghi chú:**

- Mức độ 1: Tham quan, kiến tập
  - Mức độ 2: Làm được dưới sự hướng dẫn, giám sát
  - Mức độ 3: Làm thành thạo
- Mỗi sinh viên làm 5 bệnh án: 1 bệnh án hô hấp, 1 bệnh án tiêu chảy, 1 bệnh án sơ sinh..., 1 bệnh án thiếu máu hoặc xuất huyết, 1 bệnh án thận hoặc bệnh án tim mạch hoặc bệnh án thần kinh hoặc bệnh án suy dinh dưỡng hoặc còi xương.

**TL. HIỆU TRƯỞNG  
TRƯỜNG PHÒNG ĐÀO TẠO**



**PGS.TS Nguyễn Trọng Hiếu**

Thái Nguyên, ngày 26 tháng 6 năm 2018

**CHỈ TIÊU THỰC TẾ TỐT NGHIỆP**  
**ĐẠI HỌC DƯỢC CHÍNH QUY, ĐẠI HỌC DƯỢC HỆ LIÊN THÔNG**  
**Năm học 2017 - 2018**

**1. Khoa Dược Bệnh viện đa khoa tỉnh hoặc Bệnh viện Trung ương (8 tuần)**

- Mô tả được cơ cấu tổ chức, bộ máy của khoa Dược Bệnh viện đa khoa tuyến tỉnh (hoặc trung ương). Mối liên hệ của khoa Dược với các khoa, phòng trong bệnh viện.
- Thống kê được số lượng nhân lực, cơ cấu nhân lực của bệnh viện, khoa Dược bệnh viện và phân bố nhân lực trong khoa Dược.
- Mô tả được chức trách, nhiệm vụ của dược sỹ đại học tại các vị trí công tác chuyên môn của khoa Dược bệnh viện đa khoa tuyến tỉnh (hoặc trung ương): bộ phận Nghiệp vụ dược, bộ phận Dược lâm sàng, bộ phận Kho và Cấp phát, bộ phận Thống kê dược...
- Mô tả thực trạng cơ cấu tổ chức và hoạt động của Hội đồng thuốc và điều trị của Bệnh viện đa khoa tuyến tỉnh (hoặc trung ương): (TT Số 21/2013/TT-BYT, ngày 08 tháng 08 năm 2013).
- Thu thập số liệu thực tế triển khai các công tác chuyên môn của khoa Dược theo Thông tư 22/2011/TT-BYT quy định về "Tổ chức và hoạt động của khoa Dược bệnh viện".
- Khảo sát được việc thực hiện danh mục thuốc điều trị của BV theo Thông tư 40/2014/TT-BYT quy định về "Danh mục thuốc tân dược thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ Bảo hiểm Y tế".
- Xác định được các nguyên tắc, căn cứ để lập kế hoạch cung ứng thuốc.
- Mô tả được qui trình quản lý nhập - xuất, bảo quản thuốc tại khoa Dược.
- Mô tả được qui trình triển khai thông tin thuốc, tư vấn sử dụng thuốc.
- Thu thập số liệu Phân tích Danh mục thuốc điều trị tại bệnh viện năm 2017 theo ABC, VEN, ABC/VEN. (TT Số: 21/2013/TT-BYT, ký ngày 08 tháng 08 năm 2013)(nếu có).
- Thu thập các chỉ số sử dụng thuốc tại bệnh viện do Hội đồng Thuốc & Điều trị của bệnh viện đánh giá và công bố (TT Số: 21/2013/TT-BYT, ngày 08 tháng 08 năm 2013-theo phụ lục 6).
- Mô tả thực trạng triển khai hoạt động dược lâm sàng trong tại khoa Dược & các khoa lâm sàng trong bệnh viện đa khoa tuyến tỉnh (hoặc trung ương) (TT số 31/2012/TT-BYT, ngày 20 tháng 12 năm 2012).
- Khảo sát việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của Dược sỹ lâm sàng tại các khoa chính như Nội, Ngoại, Sản, Nhi.



- Thu thập tại mỗi khoa lâm sàng 02 bệnh án điều trị điển hình và tiến hành phân tích việc sử dụng thuốc trong điều trị tại bệnh án:

+ Nội (loét dạ dày, THA, ĐTD, viêm phổi, hen phế quản, đột quỵ não).

+ Ngoại (sau phẫu thuật Viêm ruột thừa, vết thương phần mềm).

+ Sản (sau phẫu thuật lấy thai, vùng tiểu khung).

+ Nhi (sốt, viêm phế quản, viêm phổi, tiêu chảy mất nước).

- Tóm tắt các tình huống tư vấn sử dụng thuốc cho bệnh nhân tại khoa điều trị của Dược sỹ lâm sàng (10 tình huống) (nếu được tham gia tư vấn cần ghi rõ).

- Cập nhật được 10 phác đồ điều trị mới của một số ca bệnh hay gặp trong bệnh viện.

- Mô tả qui trình phát hiện, xử trí và báo cáo ADR tại bệnh viện.

- Mô tả được các qui trình giảm thiểu sai sót trong sử dụng thuốc tại các khoa lâm sàng

- Mô tả được các qui trình quản lý sử dụng thuốc, quản lý sử dụng kháng sinh... đang áp dụng tại bệnh viện.

- Tham gia thực hiện các nhiệm vụ: pha chế thuốc, xuất nhập và bảo quản thuốc tại kho, thực hành hướng dẫn sử dụng thuốc, ghi chép sổ sách xuất nhập thuốc dưới sự giám sát của cán bộ cơ sở.

- Thực hiện các nhiệm vụ theo sự phân công tại đơn vị.

#### \* Nhà thuốc bệnh viện (GPP)

- Liệt kê các qui trình thao tác chuẩn (SOP) cần thực hiện tại Nhà thuốc GPP theo TT 02/2018/TT-BYT.

- Khảo sát các điều kiện đáp ứng qui định Thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc theo TT 02/2018/TT-BYT

+ Thống kê được các trang thiết bị để phục vụ cho việc bảo quản thuốc.

+ Các qui trình tiếp nhận và theo dõi số lượng, chất lượng thuốc tại quầy thuốc.

+ Qui tắc sắp xếp, bảo quản, trưng bày... thuốc quản lý đặc biệt.

+ Các qui tắc sắp xếp hàng hóa & bảo quản thuốc.

+ Thu thập được các biểu mẫu như: các loại sổ, thẻ kho, phiếu nhập kho, phiếu xuất kho, phiếu theo dõi điều kiện môi trường...

- Tham gia thực hiện các nhiệm vụ:

+ Giới thiệu thuốc.

+ Tư vấn và hướng dẫn sử dụng thuốc.

+ Ghi chép cập nhật Sổ bán thuốc theo đơn.

+ Ghi chép cập nhật Phiếu theo dõi môi trường Nhà thuốc.

## 2. Phòng Nghiệp vụ Dược - Sở Y tế & Phòng Quản lý hành nghề (02 tuần)

- Mô tả được cơ cấu tổ chức bộ máy Văn phòng Sở Y tế và mối quan hệ công tác trong lĩnh vực dược của Sở Y tế với các đơn vị, tổ chức trong và ngoài ngành y tế.

- Mô tả chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức nhân sự của phòng Nghiệp vụ Dược và phòng Quản lý hành nghề.

- Mô tả quy trình tiếp nhận, xử lý, lưu trữ các hồ sơ, văn bản đến, đi thuộc lĩnh vực dược tại Sở Y tế.



- Mô tả quy trình tiếp nhận, thẩm định, đánh giá hồ sơ cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện KD được cho các cơ sở kinh doanh Dược theo TT 02/2018/TT-BYT.
- Liệt kê các tiêu chuẩn của Người giới thiệu thuốc, quyền và nghĩa vụ của Người giới thiệu thuốc cho cơ sở kinh doanh được qui định tại TT 07/2018/TT-BYT.
- Thống kê và cập nhật các văn bản pháp quy áp dụng trong lĩnh vực dược.
- Xác định được vai trò của Phòng Nghiệp vụ Dược trong công tác quản lý đấu thầu cung ứng thuốc và phương thức tổ chức đấu thầu cung ứng thuốc được áp dụng tại cơ sở thực tập.
- Khảo sát qui trình giám sát hoạt động thông tin, quảng cáo giới thiệu thuốc của Sở Y tế
- Tìm hiểu các thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động cấp phép cho tổ chức, cá nhân đăng ký hành nghề dược tư nhân, hoạt động thông tin, quảng cáo, tổ chức hội thảo giới thiệu thuốc trên địa bàn tỉnh theo qui định mới tại theo Luật Dược 2016.
- + Thống kê mạng lưới phân phối thuốc trên toàn tỉnh và đánh giá thực trạng mạng lưới phân phối thuốc thông qua các chỉ số: P,S,r.
- Mô tả các bước cơ bản trong quy trình thanh tra, kiểm tra chế độ chuyên môn dược.
- Mô tả các chế độ thanh tra, kiểm tra, các hình thức và thẩm quyền xử lý hành vi vi phạm chế độ chuyên môn dược.
- Tổng hợp được các hành vi vi phạm chuyên môn dược thường gặp trong quá trình thanh tra, kiểm tra các cơ sở hành nghề dược tư nhân, kiểm tra - giám sát hoạt động thông tin, quảng cáo, tổ chức hội thảo giới thiệu thuốc
- Mô tả các chế độ báo cáo công tác dược của Sở Y tế và các cơ sở Y tế tuyến huyện, xã...

### **3. Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc và mỹ phẩm (02 tuần)**

- Mô tả được sơ đồ cơ cấu tổ chức, bộ máy của Trung tâm kiểm nghiệm thuốc và mỹ phẩm tỉnh, thành phố.
- Mô tả chức năng, nhiệm vụ của dược sỹ đại học tại các vị trí công tác chuyên môn của Trung tâm kiểm nghiệm thuốc và mỹ phẩm tỉnh, thành phố.
- Khảo sát các điều kiện đảm bảo tiêu chuẩn Thực hành tốt phòng thí nghiệm theo TT 04/2018/TT-BYT
- Thống kê được số lượng nhân lực, cơ cấu và sự phân bố nhân lực tại Trung tâm kiểm nghiệm thuốc và mỹ phẩm tỉnh, thành phố.
- Thống kê được danh mục trang thiết bị sử dụng trong công tác kiểm tra chất lượng thuốc tại Trung tâm kiểm nghiệm thuốc và mỹ phẩm.
- Thống kê được danh mục dược chất và các phương pháp kiểm nghiệm được áp dụng tại Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc và mỹ phẩm.
- Mô hình hóa được đường đi của mẫu thử trong quá trình kiểm tra chất lượng.
- Vẽ sơ đồ các qui trình nhận mẫu, mã hóa mẫu, trả lời kết quả phân tích, lưu mẫu được áp dụng tại cơ sở thực tập.
- Mô tả các công cụ và các phương pháp quản lý hồ sơ, tài liệu thử nghiệm theo GLP được áp dụng tại cơ sở.
- Tham gia thực hiện các nhiệm vụ: bảo quản mẫu thuốc, chuẩn bị hoá chất, thuốc thử (Nếu được sự đồng ý của cán bộ hướng dẫn tại cơ sở).



#### 4. Công ty cổ phần Dược phẩm và Vật tư y tế (02 tuần)

- Mô tả được cơ cấu tổ chức và tìm hiểu lịch sử phát triển, chức năng, nhiệm vụ của công ty.
- Mô tả chức năng, nhiệm vụ của dược sỹ đại học tại các vị trí công tác chuyên môn của Công ty.
- Thống kê danh mục các sản phẩm sản xuất, phân phối của công ty.
- Khảo sát việc thực hiện các nguyên tắc: GMP, GLP, GDP, GSP trong quá trình sản xuất, kiểm tra chất lượng, phân phối sản phẩm tại công ty.
- Mô tả quy trình sản xuất, kiểm tra chất lượng, tồn trữ, phân phối sản phẩm của công ty theo (GMP, GLP, GSP, GDP)
- Khảo sát quy trình bảo quản các sản phẩm của công ty sản xuất và phân phối theo qui định GSP
  - + Sơ đồ tổ chức nhân sự, chức năng, nhiệm vụ, của từng tổ trong kho GSP.
  - + Thống kê được các trang thiết bị để phục vụ cho việc bảo quản thuốc, cách bố trí các trang thiết bị và thiết kế nhà kho
  - + Các qui trình tiếp nhận thuốc, xuất thuốc
  - + Các qui tắc sắp xếp hàng hóa & bảo quản thuốc
  - + Thu thập được các biểu mẫu như: thẻ kho, phiếu nhập kho, phiếu xuất kho, phiếu theo dõi điều kiện môi trường...
- Xác định được các bước cách lập báo cáo tài chính, hồ sơ đầu thầu... tại công ty.
- Mô tả qui trình xây dựng kế hoạch sản xuất, phân phối, lưu trữ sản phẩm của công ty.
- Tham gia thực hiện các nhiệm vụ:
  - + Xuất nhập và bảo quản thuốc tại các kho.
  - + Kiến tập các công đoạn pha chế, sản xuất thuốc tại phân xưởng.
  - + Sắp xếp, bố trí hàng hóa trong quầy thuốc.
  - + Tư vấn và hướng dẫn sử dụng thuốc.



PGS.TS Nguyễn Trọng Hiếu